UBND TỈNH AN GIANG **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 960 /STC-HCSN V/v góp ý dự thảo quy định mức thu, chế độ thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh AG	*An Giang, ngày 08 tháng 5 năm 2018*

SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG AG
ĐẾN Số: 1898
Ngày: 10-05-2018
Chuyển: .....
Lưu Hồ Sơ Số: .....

Kính gửi:
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh An Giang;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Cục thuế tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Công văn số 290/UBND-TH ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh về việc đăng ký nội dung trình tại kỳ họp lần thứ 7 HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021.

Sở Tài chính có ý kiến như sau:

Để đảm bảo trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 17 Quy định kèm theo Quyết định số 76/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy chế xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan tham gia ý kiến cho bản dự thảo Nghị quyết như sau:

1. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh trong thời gian ít nhất 30 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến.

2. Đề nghị các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Cục thuế tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương tham gia ý kiến dự thảo Nghị quyết, thời gian lấy ý kiến chậm nhất ngày 18/05/2018.

3. Địa chỉ tiếp nhận ý kiến đóng góp:

- Sở Tài chính tỉnh An Giang *(thông qua phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp)*, số 5/10 Lê Quý Đôn, Phường Mỹ Bình, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Số điện thoại liên hệ: 0296.3.854291.

- Đồng thời gửi file về địa chỉ mail *sotaichinh@angiang.gov.vn*

Toàn bộ nội dung dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (*www.angiang.gov.vn)* và của Sở Tài chính *http://sotaichinh.angiang.gov.vn*

Sở Tài chính đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các Sở, ban ngành cấp tỉnh; Cục thuế tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Phòng TCKH các huyện, TX,TP;
- Ban Giám đốc;
- Các Phòng, TT thuộc Sở (tham gia góp ý);
- Cổng Thông tin điện tử Sở Tài chính;
- Lưu: VT, P.HCSN

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH AN GIANG

Nguyễn Thị Ngọc Lan

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-UBND	*An Giang, ngày tháng năm 2018*

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh An Giang

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh An Giang như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

- Tại Khoản 1, Điều 22 Luật phí và lệ phí quy định: *"Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền"* và tại Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định: *"Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo xây dựng, thẩm định Đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh"*.

- Tại Khoản 9, Điều 2 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Do đó, để phù hợp với các quy định nêu trên và để áp dụng thống nhất thực hiện trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 7 quy định mức thu, chế độ thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Mục đích: Ban hành văn bản mới quy định mức thu, chế độ thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh An Giang để phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 22 Luật phí và lệ phí và Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Quan điểm chỉ đạo:

a) Tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Thực hiện Luật phí và lệ phí và Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quyết định số 1002/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh . Sở Tài chính đã dự thảo Nghị quyết này gửi đến các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố góp ý.

- Dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại công văn số ...../STP-XDKT ngày ... tháng .... năm 2018 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

IV. Bố cục và nội dung cơ bản dự thảo Nghị quyết

1. Bố cục: Dự thảo Nghị quyết gồm có 03 Điều, gồm:

a) Điều 1. Ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh An Giang

b) Điều 2. Điều khoản thi hành

c) Điều 3. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết: Theo dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh An Giang đính kèm.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:
- Như trên ;
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Các Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- Sở TC, Sở TP; Sở TN&MT;
- Lưu, VT, P.KTTH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2018/NQ-HĐND	*An Giang, ngày tháng 7 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban ; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi phải nộp phí theo quy định, trừ các trường hợp được miễn thu phí tại điểm b khoản này.

b) Các trường hợp không thu phí :

Không thu phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi theo quy định của Luật Tài nguyên nước trong trường hợp xả nước thải vào nguồn nước với quy mô trong phạm vi gia đình.

c) Cơ quan thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường

3. Mức thu phí:

a) Mức thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi như sau:

STT	Đối tượng thu	ĐVT	Mức thu
1	Đối với đề án có lưu lượng dưới 100m^3/ngày-đêm	đồng/đề án, báo cáo	300.000
2	Đối với đề án có lưu lượng từ 100m^3/ngày- đêm đến dưới 500m^3/ngày-đêm	đồng/đề án, báo cáo	900.000
3	Đối với đề án có lưu lượng từ 500m^3/ngày- đêm đến dưới 2.000m^3/ngày-đêm	đồng/đề án, báo cáo	2.200.000
4	Đối với đề án có lưu lượng từ 2.000m^3/ngày- đêm đến dưới 3.000m^3/ngày-đêm	đồng/đề án, báo cáo	4.200.000
5	Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước trên 10.000 m^3 đến dưới 30.000m^3 /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thuỷ sản	đồng/đề án, báo cáo	5.800.000

b) Mức thu phí thẩm định đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh và cấp lại giấy phép: mức thu phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức phí tại điểm a khoản này.

4. Quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi:

a) Đơn vị thu phí được để lại 60% (sáu mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ.

b) Số tiền còn lại 40% (bốn mươi phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Cơ quan thu phí:

a) Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo đúng Nghị quyết này.

b) Niêm yết và thông báo công khai mức thu phí tại địa điểm thu, khi thu phí phải cấp biên lai thu cho đối tượng nộp phí theo quy định, đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng và quyết toán biên lai thu theo quy định hiện hành.

c) Mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ảnh việc thu, nộp, quản lý và sử dụng số tiền phí theo chế độ hiện hành.

d) Tổng hợp báo cáo tình hình thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo quy định.

6. Các nội dung khác liên quan không đề cập tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Luật phí và Lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật

phí và lệ phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn theo quy định hiện hành (nếu có).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX kỳ họp lần thứ 7 thông qua ngày tháng 7 năm 2018, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018 và thay thế quy định về phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi tại Chương IV Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị, thành;
- Website Chính phủ;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Phân xã AG, Website tỉnh An Giang;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.Tổng hợp-Nh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1002/QĐ-UBND	*An Giang, ngày 08 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 512/TTr-STC ngày 04 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án số 625/ĐA-STNMT ngày 19/3/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về mức thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua mức thu, chế độ thu, nộp phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh giữa năm 2018.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, Cục Thuế;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KTTH.

(Đính kèm Đề án số 625/ĐA-STNMT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Bình

UBND TỈNH AN GIANG **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **625**/ĐA-STNMT	*An Giang, ngày 19 tháng 03 năm 2018*

ĐỀ ÁN
Thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh An Giang

A. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Luật phí và lệ phí ngày 25/11/2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017. Để hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí, Chính phủ ban hành Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí thay thế các Nghị định thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí. Theo Điều 6 của Nghị định này, tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm xây dựng đề án thu phí, lệ phí trình sở chủ quản chuyên ngành đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Ngày 11/11/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 250/2016/TT-BTC hướng dẫn về danh mục, nguyên tắc xác định mức thu, căn cứ xác định mức thu, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo đó, ngày 20/01/2017, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 103/UBND-KTTH về việc xây dựng, thẩm định đề án thu phí, lệ phí đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, theo đó giao Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủylợi trên địa bàn tỉnh An Giang, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

Để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật phí và lệ phí, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về tài nguyên nước; đảm bảo nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động tài nguyên nước theo quy định tại Điều 64 Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân xin cấp phép hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước thì việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh An Giang là phù hợp và cần thiết để bù đắp lại một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định.

B. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

C. NỘI DUNG XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Đề án này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi phải nộp phí theo quy định, trừ các trường hợp được miễn thu phí tại điểm b khoản này.

b) Các trường hợp không thu phí :

Không thu phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi theo quy định của Luật Tài nguyên nước trong trường hợp xả nước thải vào nguồn nước với quy mô trong phạm vi gia đình.

c) Cơ quan thu phí:

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao và hoạt động tiếp nhận, thẩm định đề án, báo cáo trong hồ sơ xin cấp phép hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ. Tổ chức thu phí thực hiện nộp phí thu được theo tỷ lệ quy định tại Điều 5 Thông tư này vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước. Cụ thể như sau:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

II. Mức thu phí

1. Phương thức cung cấp dịch vụ, thu phí

- Khi nộp hồ sơ đề nghị thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi, người nộp phí nộp trực tiếp cho cơ quan thu hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước của cơ quan thu phí.

- Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi thu bằng đồng Việt Nam (VNĐ). Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu nộp phí bằng ngoại tệ thì thu bằng đô la Mỹ (USD) theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu tiền.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định và thu phí theo quy định chức năng nhiệm vụ được giao và hoạt động tiếp nhận, thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi.

2. Căn cứ xây dựng mức thu:

a) Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Căn cứ mức thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi hiện hành đang áp dụng tại địa phương theo Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân và Quyết định số 88/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Mức thu dự kiến ban hành không tăng so với quy định trước đây nhằm phù hợp với điều kiện, tình hình cụ thể của từng địa bàn và khả năng đóng góp của người nộp phí.

d) Tham khảo một số mức thu đã ban hành của Bộ Tài chính (Thông tư số 02/2014/TT-BTC) và một số tỉnh lân cận như: Đồng Tháp (Nghị quyết số 98/2016/NQ-HĐND), Ninh Thuận (Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND).

3. Dự kiến mức thu:

a) Mức thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang:

STT	Đối tượng thu	ĐVT	Mức thu
1	Đối với đề án có lưu lượng dưới 100m^3/ngày-đêm	đồng/đề án, báo cáo	300.000
2	Đối với đề án có lưu lượng từ 100m^3/ngày-đêm đến dưới 500m^3/ngày-đêm	đồng/đề án, báo cáo	900.000
3	Đối với đề án có lưu lượng từ 500m^3/ngày-đêm đến dưới 2.000m^3/ngày-đêm	đồng/đề án, báo cáo	2.200.000
4	Đối với đề án có lưu lượng từ 2.000m^3/ngày-đêm đến dưới 3.000m^3/ngày-đêm	đồng/đề án, báo cáo	4.200.000
5	Đối với đề án, báo cáo có lưu lượng nước trên 10.000 m^3 đến dưới 30.000m^3 /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thuỷ sản *(thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP của Chính phủ)*	đồng/đề án, báo cáo	5.800.000

b) Mức thu phí thẩm định đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh và cấp lại giấy phép do khối lượng và nội dung công việc thẩm định giảm khoảng 40 - 60% so với khối lượng và nội dung công việc thẩm định cấp giấy phép lần đầu. Vì vậy, mức thu phí trong trường hợp này bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức phí tương ứng mức phí tại điểm a khoản này.

III. Quản lý và sử dụng phí

1. Dự toán cả năm về phí thu được: 117.000.000 đồng *(theo phụ lục 1 đính kèm).*

2. Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang: 70.556.795 đồng (*(theo phụ lục 1 và phụ lục 2 đính kèm).*

3. Tỷ lệ để lại được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ để lại (\%)} = \frac{\text{Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động thu phí}}{\text{Dự toán cả năm về phí thu được}} \times 100 = \frac{\text{70.556.795 đồng}}{\text{117.000.000 đồng}}$$

$$= 60\%$$

Do đó, đề xuất để lại 60% trên tổng số tiền thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang cho cơ quan thu phí để chi phí cho công tác thẩm định và trang trải cho các nội dung chi theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, phần còn lại 40% nộp vào ngân sách nhà nước theo Chương, mã nội dung kinh tế của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Các nội dung khác liên quan đến chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí thẩm định đề án thăm dò, khai thác nước mặt, nước dưới đất; đánh giá tác động môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường không đề cập tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan thu phí:

a) Tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo quy định;

b) Niêm yết hoặc thông báo công khai mức thu phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang tại địa điểm thu, khi thu phí phải cấp biên lai thu cho đối tượng nộp phí và đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng và quyết toán biên lai thu theo quy định hiện hành;

c) Mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ảnh việc thu, nộp số tiền phí theo chế độ hiện hành;

d) Tổng hợp báo cáo tình hình thu phí theo quy định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện thu, nộp phí trên địa bàn tỉnh; đồng thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất Ủy ban nhân

dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

3. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm bảo đảm chứng từ phục vụ cho công tác thu của cơ quan thu phí; hướng dẫn việc kê khai, thu, nộp, mở sổ sách, chứng từ kế toán và quyết toán phí theo quy định.

4. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan thu phí các thủ tục liên quan đến việc mở tài khoản, nộp phí thu được theo quy định.

Đề án quy định "Thu phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh An Giang" được Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, gửi Sở Tài chính thẩm định và báo cáo UBND tỉnh./.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Trần Đặng Đức

SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Phụ lục 1: Dự toán thu và chi đối với phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi

ĐVT: đồng

STT	Nội dung thu	ĐVT	Mức thu theo NQ 49/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016	Số thu thực tế năm 2017		Số chi 2017	Dự toán thu năm 2018			Dự toán chi 2018
				Số lượng	Thành tiền		Mức thu	Số lượng	Thành tiền	
1	Đối với đề án có lưu lượng dưới 100m^3/ngày-đêm	đồng/đề án, báo cáo	300.000	30	9.000.000	14.931.810	300.000	50	15.000.000	19.886.350
2	Đối với đề án có lưu lượng từ 100m^3/ngày - đêm đến dưới 500m^3/ngày - đêm	đồng/đề án, báo cáo	900.000	4	3.600.000	1.990.908	900.000	10	9.000.000	3.977.270
3	Đối với đề án có lưu lượng từ 500m^3/ngày - đêm đến dưới 2.000m^3/ngày - đêm	đồng/đề án, báo cáo	2.200.000	5	11.000.000	2.488.635	2.200.000	10	22.000.000	3.977.270
4	Đối với đề án có lưu lượng từ 2.000m^3/ngày - đêm đến dưới 3.000m^3/ngày - đêm	đồng/đề án, báo cáo	4.200.000	3	12.600.000	1.493.181	4.200.000	10	42.000.000	28.477.270
5	Đối với đề án có lưu lượng nước trên 10.000 m^3 đến dưới 30.000m^3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thuỷ sản	đồng/đề án, báo cáo					5.800.000	5	29.000.000	14.238.635
	Tổng			**42**	**36.200.000**	**20.904.534**		**85**	**117.000.000**	**70.556.795**

Phụ lục 2: Chi phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Mức chi	Thành tiền	Ghi chú
I	**Trường hợp không thành lập hội đồng thẩm định**				**397.727**	
1	**Chi phí kiểm tra thực địa**				**250.000**	
	Công tác phí (01 người/1 ngày)	Công	1	150.000	150.000	NQ số 27/2017/NQ-HĐND
	Tiền xe, tàu	Chuyến	1	100.000	100.000	Chi theo thực tế
2	**Chi phí kiểm tra tài liệu, thông tin và nội dung hồ sơ**				**147.727**	
	Kiểm tra tài liệu, thông tin và nội dung hồ sơ xin cấp giấy phép tài nguyên nước (làm việc thêm giờ vào ban đêm)	Giờ	4	28.409	147.727	Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 5/1/2005
II	**Trường hợp có thành lập hội đồng thẩm định** *(đối với thẩm định hồ sơ xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên 2.000 m³/ngày đêm)*				**2.847.727**	
1	**Chi phí kiểm tra thực địa**				**250.000**	
	Công tác phí (01 người/1 ngày)	Công	1	150.000	150.000	NQ số 27/2017/NQ-HĐND
	Tiền xe, tàu	Chuyến	1	100.000	100.000	Chi theo thực tế
2	**Chi phí kiểm tra tài liệu, thông tin và nội dung hồ sơ**				**147.727**	
	Kiểm tra tài liệu, thông tin và nội dung hồ sơ xin cấp giấy phép tài nguyên nước (làm việc thêm giờ vào ban đêm)	Giờ	4	28.409	147.727	Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 5/1/2005
3	**Chi văn phòng phẩm, photo tài liệu**				**360.000**	
	Văn phòng phẩm, photo tài liệu	Bộ	9	20.000	180.000	Chi theo thực tế
	Nước uống	Chai	9	20.000	180.000	NQ số 27/2017/NQ-HĐND
4	**Chi phí Hội đồng thẩm định**				**2.090.000**	
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1	300.000	300.000	TT số 02/2017/TT-BTC ngày 6/1/2017;
	Phó Chủ tịch Hội đồng	Người	1	250.000	250.000	
	Ủy viên, thư ký Hội đồng	Người	3	200.000	600.000	
	Ủy viên phản biện	Người	2	400.000	800.000	
	Đại biểu được mời tham dự	Người	2	70.000	140.000	